

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 23-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Hải

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Thành H, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Bùi Thị Tuyết G, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/9/2022 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Do quen biết nhau nên bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Thành H và bà Bùi Thị Tuyết G vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) vào ngày 28/3/2022 âm lịch (28/4/2022 dương lịch), thời hạn trả là 03 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có lập giấy mượn tiền do bà G viết và bà G, ông H có ký tên vào giấy nợ. Mục đích vay để xoay sở kinh tế trong gia đình, khi vay không thể

chấp tài sản gì cho bà N. Từ ngày vay đến nay vợ chồng bà G, ông H chưa trả lãi và gốc cho bà mặc dù bà đòi nợ rất nhiều lần.

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 bà N yêu cầu trả tiền gốc và lãi suất là 27.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà N rút lại yêu cầu trả lãi, bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà G và ông H có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần và không yêu cầu trả lãi, khi nào có yêu cầu trả lãi bà sẽ khởi kiện sau.

Bị đơn bà Bùi Thị Tuyết G có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào ngày 28/3/2022 âm lịch bà cùng chồng là ông Nguyễn Thành H có vay bà N số tiền 228.000.000đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng), hai bên có làm giấy nợ do bà viết, lãi suất mỗi tháng trả 20.000.000đồng và vợ chồng bà đã trả được 02 tháng đầu tiền lãi 40.000.000đồng, tháng thứ ba trả được 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Hai bên thỏa thuận miệng khi nào có tiền thì bà sẽ trả lại cho bà N. Giấy nợ ghi ngày 28/3/2022 âm lịch do bà N nộp cho Tòa án bà thừa nhận là chữ viết và chữ ký của bà, trong giấy nợ ghi 300.000.000đồng là bao gồm tiền gốc 228.000.000đồng và 72.000.000đồng tiền lãi tính đến tháng 9/2022 âm lịch, sự việc này chỉ thỏa thuận miệng nên bà không có chứng cứ gì chứng minh nợ số tiền gốc 228.000.000đồng. Sau đó bà N có đến đòi nợ bà N lần nhưng bà không có khả năng trả.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N bà chỉ đồng ý trả số tiền 228.000.000đồng, đối với số tiền lãi bà đã trả cho bà N bà không yêu cầu điều tiết lại lãi suất. Hiện tại hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, khi vay tiền bà và ông H còn sống chung với nhau nhưng cách nay vài tháng ông H bỏ đi và sinh sống ở đâu thì bà không rõ, nay bà xin không trả lãi và hứa khi nào bán được nhà thì vợ chồng bà sẽ trả số tiền trên cho bà N.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Thành H vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 28/3/2022 âm lịch thì ông Nguyễn Thành H và bà Bùi Thị Tuyết G có vay của bà Phạm Thị N số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn 03 tháng, có chữ ký của các bị đơn. Bà G trình bày chỉ vay của bà N số tiền 228.000.000đồng và lãi 72.000.000đồng nhưng bà G không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà G. Xét thấy giao dịch giữa các bên trên cơ sở tự thỏa thuận. Có nội dung và hình thức phù hợp Điều 116, 117, 118, 119 và 463 Bộ luật dân sự. Do bị đơn vi

phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 27.000.000đồng nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay là 300.000.000đồng nên xác định quan hệ “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” bị đơn bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H có địa chỉ tại xã L, huyện C, tỉnh Long An và hiện nay đang sinh sống tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Thành H đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt, bị đơn bà Bùi Thị Tuyết G xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà G.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, bà Phạm Thị N khởi kiện vợ chồng bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H yêu cầu trả số tiền vay là 300.000.000đồng, yêu cầu trả một lần và không yêu cầu trả lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về số tiền vay:

Bà N cho vợ chồng ông H, bà G vay số tiền là 300.000.000 đồng, hai bên có làm giấy nợ do bà G viết, vợ chồng ông H và bà G đều có ký tên vào giấy nợ nhưng đến nay chưa trả tiền gốc lại cho bà N.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó có giấy mượn tiền đề ngày 28/3/2022 âm lịch do bà N cung cấp nhưng ông H không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà G xác định chỉ nợ bà N 228.000.000đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền này, đối với số tiền 72.000.000đồng là tiền lãi nên bà không đồng ý trả nhưng bà G không có chứng cứ gì chứng minh ngoài lời trình bày của mình. Trong khi đó, bà G thừa nhận giấy mượn tiền đề ngày 28/3/2022 âm lịch do bà viết và vợ chồng bà ký tên, thời hạn trả là 03 tháng nhưng đến nay bà G và ông H vẫn không trả cho bà N. Như vậy, bà G và ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Giao

dịch dân sự giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 và Điều 119 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N, cần buộc bà G và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền vay là 300.000.000đồng.

[2.2] Về số tiền lãi: tại phiên tòa bà Phạm Thị N rút lại yêu cầu khởi kiện bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H trả lãi và sẽ khởi kiện sau khi có yêu cầu nên căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

[3] Về án phí: bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H có nghĩa vụ liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Phạm Thị N theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 118; 119; 357; 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H.

Buộc bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị N số tiền là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc yêu cầu trả lãi đối với bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H.

Hậu quả của việc đình chỉ: bà Phạm Thị N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án (yêu cầu lãi) theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: bà Bùi Thị Tuyết G và ông Nguyễn Thành H phải liên đới chịu 15.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền 8.175.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004656 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung